

Số: 1769 /TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 7 năm 2021

## TỜ TRÌNH

### Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 như sau:

#### I. ĐIỀU CHỈNH TÊN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Tên dự thảo Nghị quyết tại Thông báo số 96/TB-HĐND ngày 28/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng: Nghị quyết Quy định về cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Đề nghị điều chỉnh thành:** Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

2. Lý do điều chỉnh:

- Bổ cụm từ “*trong tình hình mới*” theo ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 488/STP-NV ngày 28/5/2021.

- Bổ sung cụm từ “*đến năm 2030*” theo ý kiến góp ý tại Kỳ họp HĐND tháng 5, đồng thời đảm bảo phù hợp theo các Văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế về giai đoạn đến năm 2030.

#### II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản (KHHGĐ/SKSS) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020 đã triển khai một số giải pháp cụ thể về xã hội hóa công tác y tế/dân số, góp phần trực tiếp thực hiện mục tiêu đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế/dân số trên địa bàn toàn tỉnh, đáp ứng với xu thế kinh tế thị trường; đảm bảo mục tiêu theo Chiến lược Dân số-SKSS Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trong điều kiện nguồn lực chi cho công tác Dân số-KHHGĐ từ ngân sách nhà nước hạn chế.

Tuy nhiên, sau 4 năm vừa triển khai thực hiện vừa rút kinh nghiệm đã bộc lộ một số nội dung cần điều chỉnh để phù hợp với công tác dân số trong giai đoạn mới hiện nay:

1. Một số nội dung trong Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND không còn phù hợp:

- Về thời gian thực hiện: Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND quy định thực hiện trong giai đoạn 2016-2020.

- Tên một số chức danh và đơn vị trong Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND không còn phù hợp do đã sáp nhập, giải thể (Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Dân số-KHHGĐ, Hội KHHGĐ và cộng tác viên Dân số-KHHGĐ).

2. Một số hạn chế, bất cập trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND:

- Các phương tiện tránh thai thực hiện theo hình thức xã hội hóa chưa đầy đủ về chủng loại theo nhu cầu của người dân như: Không có thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai trong khi người dân có nhu cầu sử dụng nhiều và trên thị trường tỉnh không có. Nguyên nhân: Do các phương tiện tránh thai được cung ứng từ Đề án 818 của Trung ương nghèo nàn về chủng loại và việc nhập bổ sung chủng loại phương tiện tránh thai theo hình thức xã hội hóa từ nguồn ngoài Đề án 818 rất khó khăn do việc hợp tác liên doanh, liên kết cung ứng phương tiện tránh thai chưa được quy định trong Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND.

- Các hoạt động tư vấn, truyền thông, quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ yếu lồng ghép trong các hoạt động công tác dân số nên hiệu quả không cao. Nguyên nhân: Không có kinh phí thực hiện, chủ yếu lồng ghép trong các hoạt động khác. Việc sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy địa phương và các chức danh cán bộ tuyến cơ sở đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện công tác xã hội hóa, kênh phân phối phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa xã hội hóa tuyến cơ sở chủ yếu do hệ thống cán bộ làm công tác dân số thực hiện. Việc không có đầy đủ chủng loại phương tiện tránh thai đáp ứng nhu cầu người dân cũng gây tác động ngược đến công tác truyền thông, vận động.

- Việc thay đổi hành vi từ sử dụng miễn phí sang việc tự chi trả theo hình thức xã hội hóa của một bộ phận nhân dân rất khó khăn do đã quen với việc được bao cấp trong những thập kỷ qua.

- Chưa tham mưu triển khai được mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng đến năm 2030 do đây là hoạt động mới, cần chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực đáp ứng theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số-KHHGĐ, Bộ Y tế.

- Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND chưa đề cập tới một số nội dung công tác dân số trong tình hình mới và hoạt động xã hội hóa theo Quyết định số

718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030”:

+ Cung cấp sản phẩm, hàng hóa và kỹ thuật dịch vụ y tế về hỗ trợ nâng cao sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, bà mẹ cho con bú, dự phòng, phát hiện sớm và hỗ trợ điều trị ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư đường sinh sản khác; về hỗ trợ nâng cao sức khỏe người cao tuổi, phòng chống lão hóa, tăng cường miễn dịch, dự phòng bệnh không lây nhiễm.

+ Cung cấp kỹ thuật dịch vụ y tế về khám sức khỏe trước khi kết hôn.

3. Hiện nay, Đảng và Chính phủ đã có những định hướng, chỉ đạo tập trung về bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số trong tình mới. Cụ thể:

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 15/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở, sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

- Chính phủ đã ban hành các Chương trình về công tác dân số đến năm 2030 (Chiến lược Dân số Việt Nam, Chương trình truyền thông dân số, Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng, Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình) đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp: đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ KHHGĐ/SKSS; dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho công tác dân số, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

- Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 phê duyệt đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030”; Quyết định số 3619/QĐ-BYT ngày 16/8/2019 phê duyệt Dự án Thử nghiệm mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng đến năm 2030 và các văn bản hướng dẫn thực hiện xã hội hóa công tác y tế, dân số như: Văn bản số 1801/BYT-TCDS ngày 04/4/2019 của Bộ Y tế gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc tiếp tục triển khai Đề án 818 đáp ứng tình hình mới.

- Theo công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số-KHHGĐ về việc định hướng công tác dân số giai đoạn 2021-2025 và một số nội dung trọng tâm năm 2021 và các chương trình về công tác dân số đến năm 2030, ngân sách địa phương bảo đảm các nội dung chi thực hiện công tác dân số

theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW. Tuy nhiên, Cao Bằng là một tỉnh khó khăn, việc bố trí ngân sách hạn chế, do vậy việc tiếp tục thực hiện xã hội hóa là cần thiết để bổ sung nguồn lực cho công tác dân số trong tình hình mới.

Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015: "*Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh*".

Vì vậy cần thiết phải ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định về cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 (thay thế Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND), để tạo cơ hội cho đối tượng có nhu cầu được tiếp cận, sử dụng phương tiện tránh thai sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số chất lượng cao và phù hợp với khả năng chi trả, đồng thời cũng là một trong các giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện công tác dân số trong giai đoạn 2021-2030.

### **III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Mục đích**

- Tạo một số cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hướng phù hợp với nguyện vọng, thu nhập của mỗi nhóm đối tượng; đáp ứng nhu cầu phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cả về số lượng, đa dạng về chủng loại và chất lượng ngày càng cao.

- Bổ sung nguồn lực góp phần thực hiện mục tiêu công tác y tế, dân số, bảo đảm tính bền vững của các Chương trình công tác dân số tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

#### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

- Xã hội hóa là mục tiêu, là động lực, là chính sách lâu dài cho sự phát triển bền vững của các Chương trình công tác dân số đến năm 2030.

- Đẩy mạnh xã hội hóa là tăng cường vai trò quản lý nhà nước, điều phối của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện xã hội hóa không chỉ đơn thuần là huy động vốn mà còn là tạo điều kiện để toàn xã hội, mọi cá nhân quan tâm được tham gia các hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực này.

- Xã hội hóa phải đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận các nguồn lực chung của nhà nước của mọi đối tượng trong xã hội; đảm bảo quyền lợi cơ bản của mọi người dân, trợ giúp người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ phát triển các vùng sâu, vùng xa và thực hiện công bằng xã hội.

- Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số trong tình hình vừa là xu thế tất yếu của nền kinh tế thị trường, vừa là giải pháp về bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số trong tình hình mới trong điều kiện tỉnh còn gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí ngân sách địa phương cho công tác dân số trong tình hình mới theo quy định hiện hành.

#### IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Y tế (cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết) đã soạn thảo dự thảo Nghị quyết trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên và đúng với quy định; tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; tổng hợp, tiếp thu các ý kiến góp ý và trình Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định. Sở Y tế đã tiếp thu các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

#### V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

##### 1. Bố cục:

- Dự thảo Nghị quyết gồm 02 trang, 03 Điều.
- Dự thảo Quy định gồm 03 trang, 06 Điều.

**2. Nội dung cơ bản:** Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng và nguyên tắc áp dụng
- Điều 3. Giải thích từ ngữ
- Điều 4. Quy định về Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số
- Điều 5. Quy định về nội dung hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.
- Điều 6. Kinh phí thực hiện Nghị quyết.

##### VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: không có

Những chính sách đề nghị trong dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 là rất thiết thực và cần thiết góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trong các Kế hoạch về công tác dân số và phát triển của tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2021-2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

*Gửi kèm theo Tờ trình này các Văn bản:*

*(1) Dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030;*

*(2) Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;*

*(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và bản chụp các ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị quyết; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết;*

*(4) Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 15/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;*

(5) Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030”./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA ... , KỲ HỌP THỨ .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa ... Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ..... năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Dân số-KHHGĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, ..

**CHỦ TỊCH**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên phạm vi toàn tỉnh đến năm 2030. Là căn cứ để lập kế hoạch, quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số hằng năm.

Khi các văn bản quy định về cơ chế, chính sách viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế.

#### **Điều 2. Đối tượng và nguyên tắc áp dụng**

##### **1. Đối tượng áp dụng:**

a) Mọi công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có nhu cầu được cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và các dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa.

b) Cơ quan, đơn vị trong hệ thống Y tế-Dân số các cấp; cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực phân phối, cung ứng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số *(sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị)*.

2. Nguyên tắc áp dụng: Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa đảm bảo chất lượng, đáp ứng theo nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dân.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, cụm từ phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số được hiểu như sau:

1. Phương tiện tránh thai bao gồm: Các loại dụng cụ tử cung, que cấy tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, viên uống tránh thai các loại, bao cao su tránh thai, các loại sản phẩm tránh thai khác theo quy định của Bộ Y tế.

2. Sản phẩm, hàng hóa về dân số: là các sản phẩm, hàng hóa trong chương trình dân số để hỗ trợ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản; hỗ trợ chẩn đoán, sàng lọc; hỗ trợ phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản; hỗ trợ sức khỏe tình dục; hỗ trợ nâng cao sức khỏe... Bao gồm:

- a) Các sản phẩm dùng trong chẩn đoán thai sớm;
- b) Các sản phẩm sử dụng trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sau sinh bao gồm cả các loại giấy thấm và các bộ dụng cụ chuyên dụng.
- c) Các sản phẩm chẩn đoán nhanh các bệnh lý liên quan đến đường sinh sản như: HIV, giang mai, HBV, HCV và các bệnh lý lây qua đường tình dục khác.
- d) Các loại sản phẩm hỗ trợ sàng lọc ung thư cổ tử cung, ung thư vú, ung thư tiền liệt tuyến.
- đ) Các loại gói đỡ đẻ sạch.
- h) Các loại sản phẩm, dung dịch vệ sinh phụ nữ.
- i) Các sản phẩm bôi trơn hỗ trợ quan hệ tình dục và các loại sản phẩm hỗ trợ sức khỏe tình dục khác.
- k) Các sản phẩm hỗ trợ nâng cao sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, bà mẹ cho con bú; dự phòng, phát hiện sớm, hỗ trợ điều trị ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đường sinh sản khác.
- l) Các sản phẩm hỗ trợ nâng cao sức khỏe người cao tuổi; phòng chống lão hóa; tăng cường miễn dịch; dự phòng bệnh không lây nhiễm.

3. Dịch vụ về dân số bao gồm các dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế, cụ thể:

- a) Các dịch vụ kỹ thuật về kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh, tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.
- b) Các dịch vụ kỹ thuật về hỗ trợ nâng cao sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, bà mẹ cho con bú; dự phòng, phát hiện sớm, hỗ trợ điều trị ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đường sinh sản khác; hỗ trợ nâng cao sức khỏe người cao tuổi; phòng chống lão hóa; tăng cường miễn dịch; hỗ trợ dự phòng bệnh không lây nhiễm.

#### **Điều 4. Quy định về Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa trong chương trình dân số gồm:

- a) Các cơ sở y tế công lập trong hệ thống y tế.
- b) Các cơ sở y tế ngoài công lập; đơn vị, Công ty tư nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được tham gia cung ứng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa trong chương trình dân số.
- c) Các cơ sở bán lẻ thuốc có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật (đại lý, nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm Y tế...).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ về dân số

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập được Bộ Y tế, Sở Y tế phê duyệt danh mục kỹ thuật được tham gia cung cấp dịch vụ về dân số.

b) Các cơ sở y tế ngoài công lập, đơn vị, Công ty tư nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được tham gia dịch vụ về dân số.

**Điều 5. Quy định về nội dung hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số**

1. Hoạt động cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số-KHHGĐ, Bộ Y tế; hướng dẫn của Ban quản lý 818 trung ương, Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ thuộc Tổng cục Dân số-KHHGĐ, Bộ Y tế.

2. Các phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa về dân số thực hiện theo giá quy định của Tổng cục Dân số-KHHGĐ, Bộ Y tế; của Ban quản lý 818 trung ương, Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ thuộc Tổng cục Dân số-KHHGĐ, Bộ Y tế.

3. Đơn vị y tế công lập thực hiện liên doanh, liên kết với các cơ sở y tế ngoài công lập, đơn vị tư nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa đáp ứng nhu cầu của người dân và báo cáo Sở Y tế để theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

**Điều 6. Kinh phí thực hiện Nghị quyết**

1. Ban quản lý Đề án 818 Trung ương và Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ thuộc Tổng cục Dân số-KHHGĐ: Hỗ trợ ứng trước phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa.

2. Huy động nguồn lực hợp pháp từ các cơ quan, đơn vị trong hệ thống y tế công lập; các cơ quan, tổ chức, đơn vị tư nhân đủ điều kiện tham gia hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số tại tỉnh và các đối tượng sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa trên địa bàn toàn tỉnh./.

---

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  
**(Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số**  
**trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 với nội dung như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

1.1. Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT) và dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản (KHHGD/SKSS) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020 (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND) đã triển khai một số giải pháp cụ thể về xã hội hóa công tác Y tế/Dân số, góp phần trực tiếp thực hiện mục tiêu đẩy mạnh xã hội hóa công tác Y tế/Dân số trên địa bàn toàn tỉnh. Những đối tượng có nhu cầu sử dụng phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/SKSS, dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh được tiếp cận và lựa chọn những dịch vụ phù hợp với nhu cầu và khả năng. Những đơn vị, tổ chức cung cấp dịch vụ được phát triển, cung cấp những sản phẩm có chất lượng theo khả năng. Đối tượng của Nghị quyết vừa được hưởng lợi, đồng thời là những đối tượng tiềm năng, đóng vai trò là nguồn đầu tư xã hội cho thị trường phương tiện tránh thai, hàng hóa SKSS và dịch vụ KHHGD/SKSS, dịch vụ sàng lọc trước sinh, sơ sinh đáp ứng với xu thế kinh tế thị trường; đảm bảo mục tiêu theo Chiến lược Dân số-SKSS Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trong điều kiện nguồn lực chi cho công tác Dân số-KHHGD từ ngân sách Nhà nước hạn chế.

1.2. Xã hội hoá là một lĩnh vực mới và có tính nhạy cảm trong công tác Dân số-Y tế. Sau 4 năm vừa triển khai thực hiện vừa rút kinh nghiệm đã bộc lộ một số nội dung cần điều chỉnh để phù hợp với công tác dân số trong giai đoạn mới hiện nay:

1.2.1. Một số nội dung trong Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND không còn phù hợp

- Về thời gian thực hiện: Nghị quyết quy định thực hiện trong giai đoạn 2016-2020.

- Tên một số chức danh và đơn vị trong Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND không còn phù hợp do đã sáp nhập, giải thể (Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Dân số-KHHGD, Hội KHHGD và cộng tác viên Dân số-KHHGD).

1.2.2. Một số hạn chế, bất cập trong thực hiện Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND

- Các phương tiện tránh thai thực hiện theo hình thức xã hội hóa chưa đầy đủ về chủng loại theo nhu cầu của người dân như: không có thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai trong khi người dân có nhu cầu sử dụng nhiều và trên thị trường tỉnh không có.

Nguyên nhân: do các phương tiện tránh thai được cung ứng từ Đề án 818 của Trung ương nghèo nàn về chủng loại. Việc nhập bổ sung chủng loại phương tiện tránh thai theo hình thức xã hội hóa từ nguồn khác ngoài Đề án 818 rất khó khăn do việc hợp tác liên doanh, liên kết cung ứng phương tiện tránh thai chưa được quy định trong Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND.

- Các hoạt động tư vấn, truyền thông, quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ yếu lồng ghép trong các hoạt động công tác dân số nên hiệu quả không cao.

Nguyên nhân: Không có kinh phí thực hiện, chủ yếu lồng ghép trong các hoạt động khác. Việc sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy địa phương và các chức danh cán bộ tuyến cơ sở đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện công tác xã hội hóa, kênh phân phối phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa xã hội hóa ở tuyến cơ sở chủ yếu do hệ thống cán bộ làm công tác dân số thực hiện. Việc không có đầy đủ chủng loại phương tiện tránh thai đáp ứng nhu cầu người dân cũng gây tác động ngược đến công tác truyền thông, vận động.

- Việc thay đổi hành vi từ sử dụng miễn phí sang việc tự chi trả theo hình thức xã hội hóa của một bộ phận nhân dân rất khó khăn do đã quen với việc được bao cấp trong những thập kỷ qua.

- Chưa tham mưu triển khai được mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng đến năm 2030 do đây là hoạt động mới, cần chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực đáp ứng theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số-KHHGD, Bộ Y tế.

- Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND chưa đề cập tới một số nội dung công tác dân số trong tình hình mới và hoạt động xã hội hóa theo Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030” như:

+ Cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ kỹ thuật y tế về hỗ trợ nâng cao sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, bà mẹ cho con bú, dự phòng, phát hiện sớm và hỗ trợ điều trị ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư đường sinh sản khác; về hỗ trợ nâng cao sức khỏe người cao tuổi, phòng chống lão hóa, tăng cường miễn dịch, dự phòng bệnh không lây nhiễm.

+ Cung cấp kỹ thuật dịch vụ y tế về khám sức khỏe trước khi kết hôn.

1.3. Danh mục dịch vụ do các đơn vị cung cấp theo hình thức xã hội hóa còn hạn chế:

- Theo quy định phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, có 16 đơn vị y tế tuyến tỉnh, huyện và 161 Trạm Y tế trong hệ thống y tế công lập có chức năng nhiệm vụ cung cấp kỹ thuật dịch vụ y tế về: KHHGD/SKSS; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; dự phòng, phát hiện sớm, hỗ trợ điều trị ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đường sinh sản khác; khám sức khỏe trước khi kết hôn... và 23 cơ sở y tế tư nhân đăng ký cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực Sản phụ khoa.

- Tuy nhiên, các đơn vị chỉ cung cấp một số danh mục dịch vụ theo hình thức xã hội hóa như:

+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh chỉ cung cấp các dịch vụ: Siêu âm sàng lọc trước sinh, lấy máu gót chân trẻ sơ sinh để sàng lọc sơ sinh.

+ Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh cung cấp các dịch vụ: Đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai, siêu âm và xét nghiệm sàng lọc trước sinh.

+ Bệnh viện đa khoa và Trung tâm Y tế tuyến huyện cung cấp các dịch vụ: Đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai, siêu âm sàng lọc trước sinh và lấy máu gót chân trẻ sơ sinh để sàng lọc sơ sinh.

+ Các Trạm Y tế và phòng khám đa khoa khu vực tham gia cung cấp dịch vụ: Đặt dụng cụ tử cung, tiêm tránh thai và cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng.

+ Cơ sở y tế tư nhân tham gia cung cấp các dịch vụ: Đặt dụng cụ tử cung, tiêm tránh thai và cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng, không có cơ sở y tế tư nhân nào thực hiện siêu âm sàng lọc trước sinh.

- Về hợp tác triển khai thực hiện dịch vụ theo hình thức xã hội hóa: Chỉ có 01 đơn vị (Công ty cổ phần công nghệ sinh học Bionet Việt Nam) hợp tác triển khai thực hiện dịch vụ sàng lọc sơ sinh.

1.4. Về chủ trương: Đảng và Chính phủ đã có những định hướng, chỉ đạo tập trung về bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số trong tình mới

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng

các cơ sở, sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

- Chính phủ đã ban hành các Chương trình về công tác dân số đến năm 2030 (Chiến lược Dân số Việt Nam, Chương trình truyền thông dân số, Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng, Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình) đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp: đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ KHHGĐ/SKSS; dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho công tác dân số, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

- Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 phê duyệt đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030”; Quyết định số 3619/QĐ-BYT ngày 16/8/2019 phê duyệt Dự án Thử nghiệm mô hình xã hội hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ dự phòng và sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng đến năm 2030 và các văn bản hướng dẫn thực hiện xã hội hóa công tác y tế, dân số như: Văn bản số 1801/BYT-TCDS ngày 04/4/2019 của Bộ Y tế gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc tiếp tục triển khai Đề án 818 đáp ứng tình hình mới.

- Theo công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số-KHHGĐ về việc định hướng công tác dân số giai đoạn 2021-2025 và một số nội dung trọng tâm năm 2021 và các chương trình về công tác dân số đến năm 2030, ngân sách địa phương bảo đảm các nội dung chi thực hiện công tác dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW. Tuy nhiên, Cao Bằng là một tỉnh khó khăn, việc bố trí ngân sách hạn chế, do vậy việc tiếp tục thực hiện xã hội hóa là cần thiết để bổ sung nguồn lực cho công tác dân số trong tình hình mới.

1.5. Xã hội hóa sẽ tạo cơ hội cho đối tượng có nhu cầu được tiếp cận, sử dụng phương tiện tránh thai sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số chất lượng cao và phù hợp với khả năng chi trả.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Tăng cường khả năng tiếp cận phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản; sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; khám sức khỏe trước khi kết hôn; dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng (*sau đây viết tắt là phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số*).

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, tăng tính bền vững của công tác dân số trong tình hình mới, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

## 2.2. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Ít nhất 80% người dân có nhu cầu hiểu biết về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGD, chăm sóc SKSS, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; khám sức khỏe trước khi kết hôn; dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

- 80% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu, được tư vấn và sử dụng biện pháp tránh thai, sản phẩm và dịch vụ phòng ngừa, phát hiện, xử lý nhiễm khuẩn đường sinh sản.

- Ít nhất 80% người dân có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ sức khỏe tình dục.

- Ít nhất 30% phụ nữ từ 30-54 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư cổ tử cung.

- Ít nhất 30% số phụ nữ trên 40 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư vú.

- Ít nhất 90% số đối tượng không thuộc diện được cung ứng miễn phí phương tiện tránh thai được cung ứng thông qua kênh xã hội hóa.

- Các danh mục phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa trong hoạt động xã hội hóa do Đề án 818 cung ứng được triển khai thực hiện tại tỉnh.

- Ít nhất 70% đơn vị y tế các tuyến (trong và ngoài công lập) trên địa bàn toàn tỉnh tham gia hoạt động xã hội hóa về dân số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Các lĩnh vực về phương tiện tránh thai, sản phẩm hàng hóa SKSS và kỹ thuật dịch vụ về dân số đều có ít nhất 01 đơn vị tư nhân trong hoặc ngoài tỉnh hợp tác liên doanh, liên kết để cung ứng.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

**1. Chính sách 1:** Đối tượng sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa là mọi người dân có nhu cầu được cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và các dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa.

### 1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, mọi người dân chưa được tiếp cận, sử dụng đa dạng, phong phú về chủng loại phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và một số dịch vụ về dân số. Hằng năm, có khoảng 20% số người phải sử dụng phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD theo hình thức xã hội hóa. Sau 4 năm thực hiện Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND, số phương tiện tránh thai cung ứng theo hình thức xã hội hóa chỉ đáp ứng 14,0% số người phải sử dụng phương tiện tránh thai theo hình thức xã hội hóa.



## ***1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Cung cấp đa dạng, phong phú chủng loại các phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số. Đảm bảo các danh mục phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và một số dịch vụ do Đề án xã hội hóa của Bộ Y tế cung ứng được triển khai thực hiện tại tỉnh theo hình thức xã hội hóa.

- Ít nhất 70,0% người dân có nhu cầu được cung ứng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số thông qua kênh xã hội hóa.

## ***1.3. Giải pháp đề xuất***

- Quy định đối tượng được cấp miễn phí phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD, dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh là người thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định đối tượng sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa là đối tượng không thuộc hộ nghèo hoặc đối tượng thuộc hộ nghèo có nhu cầu được cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và các dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa (tự chi trả khi sử dụng).

## ***1.4. Đánh giá tác động của giải pháp***

- Đảm bảo mọi đối tượng đều được tiếp cận và sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số phù hợp với nhu cầu, khả năng chi trả của bản thân, gia đình, góp phần trực tiếp thực hiện mục tiêu đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế/dân số.

- Người dân có khả năng chi trả được tiếp cận và sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số có chất lượng.

- Bổ sung nguồn lực xã hội cho công tác dân số trong điều kiện ngân sách nhà nước hạn hẹp.

## ***1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, trong đó quy định đối tượng sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa là mọi người dân khi có nhu cầu được cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và các dịch vụ về dân số.

**2. Chính sách 2:** Quy định về các đơn vị, cá nhân tham gia cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.

### ***2.1. Xác định vấn đề bất cập***

- Hiện nay, việc cung ứng, phân phối phương tiện tránh thai và sản phẩm, hàng hóa trong Đề án 818 của Trung ương chủ yếu do các cơ quan, đơn vị đảm nhiệm công tác dân số thực hiện, tuy nhiên kết quả còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của khách hàng, chưa triển khai được đầy đủ các danh mục trong

Đề án 818. Chỉ cung cấp được 6/11 danh mục phương tiện tránh thai và 7/13 danh mục sản phẩm, hàng hóa SKSS.

- Chưa huy động được sự tham gia của cơ sở về được như: các công ty dược, nhà thuốc, hiệu thuốc... tham gia hệ thống cung ứng phương tiện tránh thai và sản phẩm, hàng hóa trong Đề án 818 của Trung ương.

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ, nhất là các đơn vị trong hệ thống y tế công lập chưa chú trọng trong việc tổ chức cung cấp dịch vụ kỹ thuật về dân số theo hình thức xã hội hóa: Về dịch vụ kỹ thuật KHHGD, triển khai được 1 danh mục (đặt dụng cụ tử cung)/4 danh mục; về dịch vụ kỹ thuật sàng lọc chẩn đoán trước sinh: Triển khai được 1 danh mục (siêu âm thai)/2 danh mục và dịch vụ kỹ thuật sàng lọc chẩn đoán sơ sinh triển khai được 1 danh mục (lấy máu gót chân trẻ sơ sinh)/3 danh mục.

- Các dịch vụ mang tính chất chuyên sâu như: xác định yếu tố, bệnh di truyền trong khám sức khỏe trước khi kết hôn chưa thực hiện được theo hình thức xã hội hóa.

## **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Ít nhất 70,0% đơn vị y tế các tuyến (trong và ngoài công lập) trên địa bàn toàn tỉnh tham gia hoạt động xã hội hóa về dân số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập, công ty tư nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia cung ứng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.

## **2.3. Giải pháp đề xuất**

- Quy định các đơn vị (trong và ngoài công lập) tham gia cung cấp các loại phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa KHHGD/SKSS; tham gia cung cấp dịch vụ kỹ thuật về dân số theo hình thức xã hội hóa.

- Quy định các đơn vị hợp tác, liên doanh, liên kết đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia cung cấp các phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.

## **2.4. Đánh giá tác động của giải pháp**

- Người dân được tiếp cận dễ dàng, thuận tiện và được sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số chất lượng ngày càng cao.

- Góp phần làm tăng nguồn lực cho công tác dân số trong tình mới trên địa bàn tỉnh từ các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia cung ứng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa.

- Khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia cung ứng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa chủ động tự đầu tư, mở rộng, phát triển cơ sở, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

## **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, trong đó quy định về các đơn vị, cá nhân tham gia cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.

**3. Chính sách 3:** Quy định về triển khai thực hiện các nội dung hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số và việc hợp tác liên doanh, liên kết trong hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số

### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Hiện nay, phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa SKSS đều do Ban quản lý 818 trung ương và Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ thuộc Tổng cục Dân số cung cấp, tuy nhiên chưa đầy đủ về chủng loại theo nhu cầu của người dân như: không có thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai trong khi người dân có nhu cầu sử dụng nhiều và trên thị trường tỉnh không có.

Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện được một số dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ mang tính chuyên sâu (xét nghiệm máu mẹ sàng lọc trước sinh, xác định yếu tố, bệnh di truyền trong khám sức khỏe trước khi kết hôn chưa...) nhưng chưa có đơn vị hợp tác liên doanh, liên kết để thực hiện đáp ứng nhu cầu của người dân. Hiện nay, chỉ có 01 đơn vị (Công ty cổ phần công nghệ sinh học Bionet Việt Nam) hợp tác triển khai thực hiện dịch vụ sàng lọc sơ sinh được Sở Y tế phê duyệt chủ trương hợp tác.

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Hoạt động xã hội hoá được triển khai thực hiện đúng theo quy định và đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu của người dân.
- Các lĩnh vực về phương tiện tránh thai, sản phẩm hàng hóa SKSS và kỹ thuật dịch vụ về dân số đều có ít nhất 01 đơn vị tư nhân trong hoặc ngoài tỉnh hợp tác liên doanh, liên kết để cung ứng đáp ứng nhu cầu của người dân.

### **3.3. Giải pháp đề xuất**

- Hoạt động cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số-KHHGD, Bộ Y tế; hướng dẫn của Ban quản lý 818 trung ương, Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ thuộc Tổng cục Dân số-KHHGD, Bộ Y tế.

- Các phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa về dân số thực hiện theo giá quy định của Tổng cục Dân số-KHHGD, Bộ Y tế; của Ban quản lý 818 trung ương, Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ thuộc Tổng cục Dân số-KHHGD, Bộ Y tế.

- Đơn vị y tế công lập thực hiện liên doanh, liên kết với các cơ sở y tế ngoài công lập, đơn vị tư nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để cung

cấp dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa đáp ứng nhu cầu của người dân và báo cáo Sở Y tế để theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

- Sở Y tế có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo các hoạt động cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số theo hình thức xã hội hóa trên địa bàn toàn tỉnh.

### **3.4. Đánh giá tác động của giải pháp**

- Hoạt động xã hội hóa được triển khai thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

- Người dân được tiếp cận và sử dụng phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số có chất lượng cao.

- Các đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ kỹ thuật có cơ hội được tiếp cận, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Huy động được nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác dân số, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Cao Bằng.

- Góp phần củng cố, phát triển mạng lưới phân phối, cung ứng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn toàn tỉnh, đáp ứng với xu thế kinh tế thị trường.

### **3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, trong đó quy định về triển khai thực hiện các nội dung hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số và việc hợp tác liên doanh, liên kết trong hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.

## **III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Dự thảo báo cáo đánh giá tác động cùng với các hồ sơ dự thảo nghị quyết được lấy ý kiến các sở, ngành, đoàn thể, huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh bằng văn bản.

## **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thi hành chính sách; theo dõi việc hướng dẫn, tổ chức thi hành chính sách. Hằng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện chính sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**

**BẢN TỔNG HỢP**

**Ý kiến góp ý đối với dự thảo Hồ sơ dự thảo Nghị quyết  
Quy định về một số cơ chế chính sách xã hội hóa công tác dân số  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030**

Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Sở Y tế đã gửi bản dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 lấy ý kiến của các cơ quan, ban, ngành; các tổ chức chính trị xã hội, hiện nay đã nhận được 24 ý kiến. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Sở Y tế đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến như sau:

Stt	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
1	Sở Tư pháp	<p>1. Về nội dung</p> <p>1.1. Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tại tên của dự thảo nghị quyết, nên bỏ cụm từ "<i>trong tình hình mới</i>".</li><li>- Cơ quan soạn thảo cần xem xét bỏ căn cứ pháp lý thứ 4 và căn cứ pháp lý thứ 7 để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</li><li>- Tại Điều 1, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với tên dự thảo nghị quyết.</li></ul> <p>1.2 Đối với dự thảo Quy định</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tại các Điều 4, 5, 6 dự thảo cần quy định tên Điều để phù hợp với quy định tại khoản 3</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung</li><li>- Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung.</li><li>- Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung</li><li>- Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung.</li></ul>

Stt	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
		<p>Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP thì "<i>Phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản phải có tên. Tên là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, tiểu mục, điều</i>".</p> <p>2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản</p> <p>- Vì nội dung của 02 dự thảo nghị quyết cùng quy định các nội dung có liên quan trong công tác dân số. Do đó, để đảm bảo thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định gộp 02 dự thảo nghị quyết thành 01 dự thảo nghị quyết ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách trong công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030.</p> <p>- Về kỹ thuật trình bày văn bản thực hiện theo mẫu số 17 phụ lục I kèm theo Nghị định</p>	<p>- Giữ nguyên như dự thảo đã xin ý kiến, do 02 dự thảo nghị quyết cùng quy định các chính sách trong công tác dân số nhưng các chính sách khác nhau về đối tượng, nội dung và nguồn kinh phí:</p> <p>+ Đối tượng: NQ thay NQ 41 (NQ1) là hỗ trợ người nghèo, NQ thay NQ 86 (NQ2) là cho mọi người dân có nhu cầu.</p> <p>+ Nội dung: NQ1 là các chính sách hỗ trợ của tỉnh; NQ2 là cơ chế chính sách cho người dân được tiếp cận sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dân số theo nhu cầu và trực tiếp cho đối tượng sử dụng.</p> <p>+ Nguồn kinh phí: NQ1 là tỉnh hỗ trợ; NQ2 là của người có nhu cầu.</p> <p>- Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung</p>

Stt	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
		số 154/20020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.	
2	Sở Tài Chính	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
4	Sở Giáo dục và đào tạo	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
5	Sở Công thương	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
6	Sở Khoa học Công nghệ	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
7	Sở Lao động -TB và XH	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
8	Sở Kế hoạch và đầu tư	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
9	Sở Nội vụ	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
10	Sở Tài nguyên & MT	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
11	UBND Trùng Khánh	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
12	UBND Thành phố	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
13	UBND Hà Quảng	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
14	UBND Hoà An	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
15	UB Mặt trận TQ tỉnh	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
16	TTYT Nguyễn Bình	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
17	Cục thống kê	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
18	Liên đoàn lao động	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	



Stt	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan soạn thảo
19	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
20	Đài PT truyền hình	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
21	Hội Nông dân	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
22	Ban Dân tộc	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
23	Hội Liên hiệp phụ nữ	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	
24	Kho bạc Nhà nước tỉnh	Nhất trí với nội dung bản dự thảo	

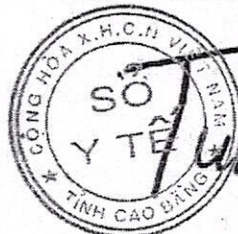
Trên đây là bản tổng hợp ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Chi cục DS-KHHGD;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Y tế  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 07/06/2021 07:45:30



**Vương Thị Tuyên**

UBND TỈNH CAO BẰNG  
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2664 /TTr-SYT

Cao Bằng, ngày 23 tháng 6 năm 2021

### TỜ TRÌNH

Về đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với 03 hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Sở Y tế được phân công chủ trì, tham mưu dự thảo, chuẩn bị cho kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 – 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại văn bản số 1048/UBND-TH ngày 07/5/2021 về giao nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh trình kỳ họp tháng 7/2021 và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 96/TB-HĐND ngày 28/5/2021, về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho kỳ họp thứ hai Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trong thời gian qua Sở Y tế đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng 03 dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh trình kỳ họp tháng 7/2021, cụ thể như sau:

1. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030.

2. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

3. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 88/2016/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về giá ngày giường điều trị tự nguyện có chi phí phụ cấp thường trực và tiền lương theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 88/2016/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao

Bảng về giá ngày giường điều trị tự nguyện có chi phí phụ cấp thường trực và tiền lương theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng.

Quá trình xây dựng 03 hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên đã được Sở Y tế thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành tại Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh.

Sở Y tế kính trình UBND tỉnh Cao Bằng xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với nội dung 03 Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Sở Y tế được phân công tham mưu, chuẩn bị cho kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

*Sở Y tế xin gửi kèm theo Tờ trình 03 Hồ sơ dự thảo Nghị quyết:*

(1) *Hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định về một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030:*

- *Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết*
- *Dự thảo Nghị quyết Quy định về một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030;*
- *Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định*
- *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với Nghị quyết;*
- *Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;*
- *Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;*

(2) *Hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030:*

- *Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết*
- *Dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030;*
- *Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định*
- *Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với Nghị quyết;*
- *Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;*
- *Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng*

Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án “Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030”;

(3) Hồ sơ dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 88/2016/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về giá ngày giường điều trị tự nguyện có chi phí phụ cấp thường trực và tiền lương theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng:

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết;
- Dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030;
- Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Nghị quyết.

(4) Bản chụp các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho 03 dự thảo Nghị quyết.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Văn hóa – Xã hội, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Y tế  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 23-06-2021 22:39:37

**Nông Tuấn Phong**

Số: 100 /BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 15 tháng 6 năm 2021

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

#### **Dự thảo Nghị quyết ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2306/SYT-KHTC ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Sở Y tế về việc đề nghị thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

**1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên**

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tại tên dự thảo nghị quyết cần bổ sung cụm từ “Quy định” để thống nhất với tên Điều 1.

- Tại Điều 1 cơ quan soạn thảo cần bỏ nội dung “(Có quy định chi tiết kèm theo)” vì đã ghi rõ tại “**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này....”

b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại các Điều 4, 5 dự thảo cần quy định tên điều để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP thì “*Phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản phải có tên. Tên là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, tiểu mục, điều*”.

- Cơ quan soạn thảo cần xem xét bỏ nội dung tại Điều 7, vì trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết giao cho UBND tỉnh (trong đó UBND tỉnh sẽ phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan có liên quan).

### 3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP dự thảo cần chỉnh sửa các nội dung sau:

#### a) Đối với dự thảo Nghị quyết

Tại dòng chữ “*Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030;...*”, dự thảo cần bỏ cụm từ “*của Hội đồng nhân dân tỉnh*” cụ thể như sau:

“*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030;...*”.

#### b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại các Điều 2, 3, 4, 5, 6 dự thảo sử dụng ký tự gạch ngang ( - ) là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Đề nghị dự thảo chỉnh sửa cho phù hợp.

- Cơ quan soạn thảo cần trình bày tên các điều bằng kiểu chữ đứng, đậm .

- Nội dung dự thảo chỉ gồm có 07 điều, không cần thiết quy định theo chương. Do đó, đề nghị dự thảo chỉnh sửa bố cục cho phù hợp.

- Cơ quan soạn thảo cần bỏ thẩm quyền ký ban hành văn bản để thống nhất với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

### 4. Kết luận

Qua thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung nêu trên. Sau chỉnh sửa, dự thảo Nghị quyết ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

#### Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tư pháp  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 15/06/2021  
14:29:56

**Nông Văn Dục**

Số: 2629 /BC-SYT

Cao Bằng, ngày 22 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH**  
**(Về dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030)**

Theo ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 tại Báo cáo thẩm định số 100/BCTĐ-STP ngày 15 tháng 6 năm 2021, Sở Y tế giải trình về việc tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

**1. Những nội dung tiếp thu ý kiến thẩm định**

**1.1. Về nội dung**

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tên dự thảo nghị quyết đã bỏ sung cụm từ “Quy định” để thống nhất với tên tại Điều 1.

- Tại Điều 1 đã bỏ nội dung “(Có quy định chi tiết kèm theo)”

b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại các Điều 4,5 đã quy định tên cụ thể như sau:

+ “Điều 4. Quy định về Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.”

+ “Điều 5. Quy định về nội dung hoạt động xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ về dân số.”

- Bỏ Điều 7 của dự thảo Quy định về trách nhiệm của Sở Y tế.

**1.2. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản**

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tại dòng chữ “Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030;...”, đơn vị soạn thảo đã bỏ cụm từ “của Hội đồng nhân dân tỉnh” cụ thể như sau:

“Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số cơ

chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030;...”.

b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại các Điều 2, 3, 4, 5, 6 đơn vị soạn thảo đã bỏ các ký tự gạch ngang (-) và thay bằng các Khoản, Điểm.

- Cơ quan soạn thảo đã trình bày tên các điều bằng kiểu chữ đứng, đậm.

- Cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh dự thảo thành 6 điều, từ điều 1 đến điều 6 và không quy định theo chương.

- Cơ quan soạn thảo đã bỏ thẩm quyền ký ban hành văn bản để thống nhất với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

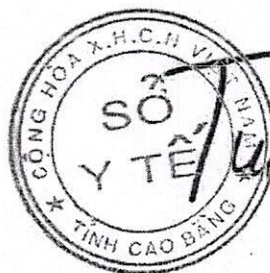
**2. Những nội dung không tiếp thu ý kiến thẩm định:** Không có

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 của Sở Y tế ./.

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các PGĐ Sở Y tế;
- Chi cục Dân số -KHHGD;
- Lưu: VT, KH-TC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Y tế  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 22/06/2021 10:52:28

**Vương Thị Tuyên**



UBND TỈNH CAO BẰNG  
**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 488 /STP-NV1

Cao Bằng, ngày 28 tháng 5 năm 2021

V/v góp ý đối với 02 dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Cao Bằng

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1817/SYT-KHTC ngày 11/5/2021 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng về việc xin ý kiến góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sau khi nghiên cứu 02 dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến góp ý như sau:

**1. Về nội dung**

**a) Đối với dự thảo nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030**

\* Đối với dự thảo nghị quyết

- Tại tên dự thảo nghị quyết, để phù hợp với nội dung dự thảo nghị quyết và trọng tâm của công tác dân số, cơ quan soạn thảo nên bỏ cụm từ “trong tình hình mới” và bổ sung cụm từ “hỗ trợ” sau cụm từ “chính sách” cụ thể như sau:

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2022**

- Tại phần căn cứ pháp lý

+ Dự thảo viện dẫn: “Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới” làm căn cứ pháp lý để ban hành văn bản là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo quy định thì “Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn

*bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”* (Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 không phải là văn bản QPPL; Luật Đầu tư công năm 2019 không quy định nội dung có liên quan về công tác dân số). Do đó, dự thảo cần bỏ các căn cứ trên.

+ Tại các căn cứ pháp lý thứ nhất, 2, 3,5 để thống nhất cách trình bày dự thảo cần bỏ các cụm từ “số 77/2015/QH13”; “số 63/2020/QH14”...

+ Dự thảo cần xem xét, bổ sung căn cứ có liên quan về công tác dân số như:

*Pháp lệnh Dân số ngày 09/01/2003; Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27/12/2008;*

*Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số;*

*Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/3/2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;*

- Tại Điều 1, cơ quan soạn thảo cần quy định thống nhất với tên nghị quyết như đã nêu trên.

- Cơ quan soạn thảo cần bổ sung Điều 4 như sau:

*“Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về một số chính sách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về một số chính sách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng.*

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2021./.”*

\* Đối với dự thảo Quy định

- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo cần bổ sung cụm từ “Nghị quyết này” trước cụm từ “Quy định một số chính sách...”, cụ thể:

*“1. Nghị quyết này quy định một số chính sách...”*

- Tại các Điều 4, 5, 6 và 7 dự thảo quy định về “đối tượng hỗ trợ” và “điều kiện hỗ trợ” có nội dung trùng lặp, tương tự nhau. Do đó, đề nghị dự thảo nghiên cứu quy định cho hợp lý, tránh trùng lặp.

- Tại khoản 1, 4 Điều 6 dự thảo quy định “*Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến 79 tuổi*” là chưa phù hợp với quy định của Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009. Theo quy định của Luật: Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa quy định cho phù hợp.

- Tại Điều 7, 8 và 9, dự thảo đã quy định về nội dung, mức hỗ trợ. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định rõ về đối tượng, điều kiện hỗ trợ để đảm bảo tính khả thi.

- Tại tên các điều quy định về hỗ trợ, dự thảo quy định chưa thống nhất tên của điều (ví dụ: tại Điều 4, Điều 5, Điều 9 là “Hỗ trợ kinh phí...”, tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 là “Hỗ trợ...”). Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định thống nhất.

- Tại tên Điều 10, đề nghị nên thay cụm từ “*nguồn vốn*” bằng cụm từ “*nguồn kinh phí*”.

***b) Đối với dự thảo nghị quyết ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030***

**\* Đối với dự thảo nghị quyết**

- Tại tên của dự thảo nghị quyết, nên bỏ cụm từ “*trong tình hình mới*”.

- Cơ quan soạn thảo cần xem xét bỏ căn cứ pháp lý thứ 4 và căn cứ pháp lý thứ 7 để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Tại Điều 1, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với tên dự thảo nghị quyết.

**\* Đối với dự thảo Quy định**

Tại các Điều 4, 5, 6 dự thảo cần quy định tên Điều để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP thì “*Phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản phải có tên. Tên là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, tiểu mục, điều*”.

## **2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**

- Vì nội dung của 02 dự thảo nghị quyết cùng quy định các nội dung có liên quan trong công tác dân số. Do đó, để đảm bảo thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định gộp 02 dự thảo

ngị quyết thành 01 dự thảo nghị quyết ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách trong công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030.

- Về kỹ thuật trình bày văn bản thực hiện theo Mẫu số 17 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng, kính gửi Sở Y tế tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tư pháp  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 24/05/2021 08:48:39

**Nông Văn Dục**

UBND TỈNH CAO BẰNG  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 1001/STC – HCSN

V/v góp ý đối với các dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 1817/SYT – KHTC ngày 11/5/2021 của Sở Y tế về việc xin ý kiến góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau xem xét các bản dự thảo và các tài liệu liên quan, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2030: Sở Tài chính nhất trí nội dung và bố cục của dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (thay thế Nghị quyết số 41/2006/NQ – HĐND ngày 08/12/2006 của HĐND tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 21/2010/NQ – HĐND ngày 09/7/2010 của HĐND tỉnh Cao Bằng):

Sở Tài chính bảo lưu ý kiến tại Công văn số 610/STC – HCSN ngày 07/4/2021 đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 4; Khoản 1, 2 Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 7; Điều 8.

Đề nghị cơ quan soạn thảo căn cứ khả năng ngân sách địa phương lựa chọn nội dung hỗ trợ, quy định chi tiết mức hỗ trợ. Vì qua tham khảo các địa phương khác thì chỉ hỗ trợ một số nội dung như: Đặt dụng cụ tử cung, thuốc tiêm tránh thai, cấy thuốc tránh thai, thực hiện dịch vụ siêu âm tầm soát dị tật thai nhi, thực hiện sàng lọc sơ sinh với 05 bệnh bẩm sinh phổ biến và quy định chi tiết về mức hỗ trợ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính gửi cơ quan soạn thảo tổng hợp, xem xét điều chỉnh hoàn thiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, HCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phạm Thị Hồng Thúy**

UBND TỈNH CAO BẰNG  
**BAN DÂN TỘC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 312 /BDT-KHTH  
V/v góp ý đối với hai dự thảo  
Nghị quyết về một số chính sách  
dân tộc trong tình hình mới trên  
địa bàn tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng, ngày 21 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện công văn số 1817/SYT-KHTC ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng, v/v xin ý kiến góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết về một chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu, xem xét hai bản dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng hoàn toàn nhất trí với hai bản dự thảo Nghị quyết trên và không có ý kiến gì thêm.

Trên đây là ý kiến của Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng gửi Sở Y tế tỉnh Cao Bằng tổng hợp theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG BAN**  
Ký bởi: Ban Dân tộc  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 21/05/2021 08:48:24



**Bế Văn Hùng**

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM  
**BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 727 /BHXH-GĐBHYT  
V/v góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết  
về một số chính sách dân số trong tình hình  
mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Sở Y tế Cao Bằng

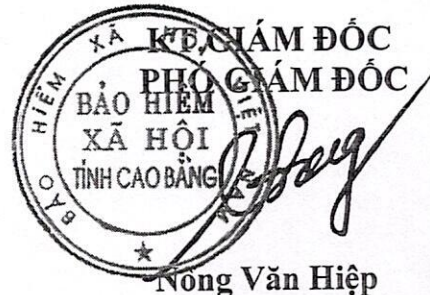
Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng nhận được Công văn số 1817/SYT-KHTC ngày 11/5/2021 của Sở Y tế Cao Bằng về việc xin ý kiến góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2030 và dự thảo Nghị quyết Quy định về cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030, Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng nhất trí với nội dung hai dự thảo Nghị quyết và không có ý kiến bổ sung.

Trên đây là ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc BHXH tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, GD BHYT.

  
KẾ, GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
BẢO HIỂM  
XÃ HỘI  
TỈNH CAO BẰNG  
★  
Nông Văn Hiệp

TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THỐNG KÊ CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 344 /CTK-TKXH

Cao Bằng, ngày 20 tháng 5 năm 2021

V/v Góp ý đối với 2 dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi:

- Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Cao Bằng;
- Sở Y tế tỉnh Cao Bằng.

Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng đã nhận được Công văn số 1817/SYT-KHTC ngày 11/5/2021 V/v Xin ý kiến góp ý đối với 2 dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021–2030; Nghị quyết Ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 và các văn bản của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Y tế đã ban hành liên quan về công tác dân số, chính sách phát triển dân số trong tình hình mới hiện nay;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, Cục Thống kê **hoàn toàn nhất trí với 2 bản dự thảo Nghị quyết và không có ý kiến gì bổ sung thêm.**

Cục Thống kê Cao Bằng thông báo với Quý cơ quan ý kiến trả lời trên ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKXH.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đoàn Hữu Duyệt



UBND TỈNH CAO BẰNG  
**ĐÀI PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: *36* /CV-PTTH

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết về một số  
chính sách dân số trong tình hình mới trên  
địa bàn tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng ngày 27 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Thực hiện Công văn số 1817/SYT-KHTC, ngày 11 tháng 5 năm 2021 của sở Sở Y tế tỉnh Cao Bằng về việc xin ý kiến góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

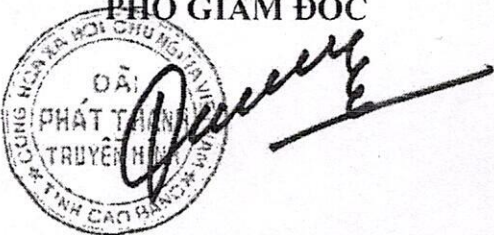
Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Đài Phát thanh – Truyền hình Cao Bằng nhất trí với các nội dung dự thảo đã xây dựng, Đài không có thêm ý kiến bổ sung.

Trân trọng.!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đàm Văn Trung

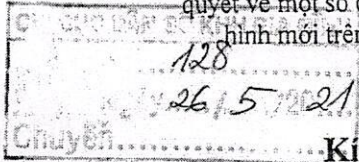
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM  
TỈNH CAO BẰNG  
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 765/MTTQ-BTT

Cao Bằng, ngày 24 tháng 5 năm 2021

V/v xin ý kiến góp ý đối với 2 dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng



**Kính gửi: Chi cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Công văn số 1817/SYT-KHTC ngày 11/5/ 2021 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng về việc xin ý kiến góp ý đối với 2 dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng đã nghiên cứu nhất trí với nội dung 02 dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Do Nghị quyết cũ không còn phù hợp

Trên đây là ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng gửi Chi cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Cao Bằng tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận:  
- Như kính gửi;  
- Lưu: VT, BPT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
Nguyễn Hồng Vân

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ QUẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1094/UBND-YT  
V/v góp ý đối với hai Dự thảo  
Nghị quyết về một số chính sách  
Dân số trong tình hình mới  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Hà Quảng, ngày 19 tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Sở Y tế tỉnh Cao Bằng;
- Chi Cục Dân số - KHHGD tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện công văn số 1817/SYT-KHTC, ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng V/v xin ý kiến góp ý đối với hai Dự thảo Nghị quyết về một số chính sách Dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Sau khi nghiên cứu nội dung 02 Dự thảo Nghị quyết bao gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết Quy định về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030 (thay thế Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND, ngày 08/12/2006 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về một số chính sách Dân số-KHHGD tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 21/2010/ND-HĐND, ngày 09/7/2010 của HĐND tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về một số chính sách Dân số-KHHGD tỉnh Cao Bằng); (2) Dự thảo Nghị quyết về cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030 (thay thế Nghị quyết số 86/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/ sức khỏe sinh sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020); Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng Nhất trí với 02 Dự thảo Nghị quyết, không có ý kiến gì thêm.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng đối với 02 Dự thảo Nghị quyết. Kính gửi Chi cục DS-KHHGD tỉnh Cao Bằng tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Bệnh viện đa khoa huyện;
- Trung tâm y tế huyện;
- Lưu: VT, YT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng  
Thời gian ký: 19/05/2021 09:22:13

**Nguyễn Thị Phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 596/UBND-YT

Hòa An, ngày 26 tháng 5 năm 2021

V/v góp ý đối với hai dự thảo  
Nghị quyết về một số chính sách dân  
số trong tình hình mới trên địa bàn  
tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Cao Bằng.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hòa An nhận được Công văn số 1817/SYT-KHTC ngày 11/5/2021 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng về việc xin ý kiến góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hai dự thảo: Nghị quyết ban hành Quy định về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030. UBND huyện Hòa An nhất trí với hai dự thảo Nghị quyết do Sở Y tế xây dựng và không có ý kiến gì thêm.

Trên đây là ý kiến của UBND huyện Hòa An về hai dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, YT (Ch).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân  
huyện Hòa An  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng  
Thời gian ký: 29/05/2021  
10:28:36

**Đàm Thế Trang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 956 /UBND-YT  
V/v góp ý đối với hai Dự thảo  
Nghị quyết về một số chính sách  
Dân số trong tình hình mới

Thành phố Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Công văn số 1817/SYT-KHTC ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng về việc xin ý kiến góp ý đối với hai dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu 02 bản Dự thảo Nghị quyết Quy định về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030 và Dự thảo Nghị quyết Quy định về cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân Thành phố **hoàn toàn nhất trí** với các nội dung của 02 bản Dự thảo Nghị quyết và không có ý kiến đóng góp bổ sung thêm cho 02 bản Dự thảo.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng đối với 02 Dự thảo Nghị quyết về một số chính sách dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Lưu: VT, PYT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Đệ

UBND TỈNH CAO BẰNG  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 657/STP-NV1

Cao Bằng, ngày 13 tháng 7 năm 2021

V/v góp ý kiến các dự thảo Nghị  
quyết, báo cáo trình kỳ họp thứ 2  
HĐND tỉnh khóa XVII

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Công văn số 1720/UBND-TH ngày 12/7/2021 về việc xin ý kiến đối với các dự thảo Nghị quyết, báo cáo trình Kỳ họp thứ hai HĐND tỉnh khóa XVII. Sau khi nghiên cứu các dự thảo Nghị quyết, báo cáo trình kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh, tôi có ý kiến đối với các dự thảo Nghị quyết như sau:

**1. Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2022 (cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội)**

- Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 115/BCTĐ-STP ngày 24/6/2021. Qua xem xét dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để hoàn chỉnh dự thảo.

Tuy nhiên, tại khoản 6. Nguồn kinh phí thực hiện, để phù hợp với nội dung của văn bản quy phạm pháp luật đề nghị xem xét, bỏ cụm từ “tiếp tục xem xét” cụ thể như sau: “*Nguồn vốn... năm 2022 cân đối ngân sách bố trí bổ sung để hỗ trợ triển khai thực hiện.*”

- Nhất trí thông qua dự thảo Nghị quyết.

**2. Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030 và dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định về một số cơ chế, chính sách xã hội hóa công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 (cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Y tế)**

- Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 99/BCTĐ-STP ngày 15/6/2021 và Báo cáo thẩm định số 100/BCTĐ-STP ngày 15/6/2021. Qua xem xét 02 dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để hoàn chỉnh dự thảo.

- Tại Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, đề nghị rà soát, chỉnh sửa “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh” thành “Hội đồng nhân dân tỉnh”, vì Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

- Nhất trí thông qua dự thảo Nghị quyết.

**3. Dự thảo Nghị quyết xây dựng khu vực phòng thủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 (cơ quan chủ trì soạn thảo: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)**

- Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 87/BCTĐ-STP ngày 03/6/2021. Qua xem xét dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn chỉnh dự thảo.

- Tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa “khóa XVI” thành “khóa XVII”.

- Nhất trí thông qua dự thảo Nghị quyết.

#### **4. Dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định tặng Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Cao Bằng” (cơ quan chủ trì soạn thảo Sở Nội vụ)**

- Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 105/BCTĐ-STP ngày 17/6/2021. Qua xem xét dự thảo, cơ bản cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn chỉnh dự thảo. Tuy nhiên, một số nội dung cơ quan chủ trì soạn thảo chưa tiếp thu ý kiến thẩm định, cụ thể:

Tại khoản 8 Điều 3 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết quy định “*Cá nhân miền xuôi lên tỉnh Cao Bằng trước năm 1980...*”, hiện nay trong các văn bản pháp luật hiện hành chưa quy định thế nào là “cá nhân miền xuôi”, do đó sẽ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau.

Theo ý kiến giải trình của Sở Nội vụ: vận dụng quy định đối với giáo viên miền xuôi lên vùng núi công tác tại Thông tư số 3116-A7 ngày 15/8/1959 và Quyết định số 47-TTg ngày 09/02/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy rằng, theo như giải trình của Sở Nội vụ là áp dụng đối với các đối tượng là giáo viên, còn các đối tượng khác ngoài giáo viên chưa được quan tâm; các đối tượng khác là người ngoài tỉnh cũng cần được xem xét thực hiện theo Nghị quyết nếu đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Do đó, để thống nhất áp dụng sau khi Nghị quyết được ban hành có hiệu lực, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ thêm thế nào là “cá nhân miền xuôi” hoặc xem xét có thể thay thế bằng cụm từ “cá nhân là người ngoài tỉnh”, vì trên thực tế có cá nhân là người ngoài tỉnh đã làm việc, lao động tại tỉnh Cao Bằng trước năm 1980 và có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Cao Bằng. Đồng thời, cũng cần quy định làm rõ các cá nhân này “có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Cao Bằng” ở mức độ nào? hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác hoặc có đóng góp tích cực, hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ghi nhận hoặc vinh danh.

- Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo trước khi UBND tỉnh thông qua.

**5. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 88/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về giá ngày giường điều trị tự nguyện có chi phí phụ cấp thường trực và tiền lương theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/11/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng (cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Y tế)**

- Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 93/BCTĐ-STP ngày 09/6/2021. Qua xem xét dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn chỉnh dự thảo.

- Sở Tư pháp nhất trí thông qua.

**6. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 09/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí xác định dự án đầu tư công trọng điểm nhóm C của tỉnh Cao Bằng (cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Kế hoạch và Đầu tư)**

- Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 116/BCTĐ-STP ngày 25/6/2021. Qua xem xét dự thảo, Sở Tư pháp thấy rằng dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh chưa chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (mặc dù trong Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đã tiếp thu, nhưng bản dự thảo trình là bản dự thảo trong quá trình lấy ý kiến góp ý, không phải là bản dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 927/SKHĐT-THQH ngày 21/6/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư). Do đó, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa dự thảo cho phù hợp.

- Tại tờ trình, đề nghị rà soát, chỉnh sửa “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh” thành “Hội đồng nhân dân tỉnh”.

**7. Các dự thảo Nghị quyết cá biệt:**

**a) Dự thảo Nghị quyết Thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Giao thông vận tải)**

- Nội dung của dự thảo Nghị quyết là thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Trong nội dung Đề án đã quy định về các nội dung: mục tiêu, nhiệm vụ, vốn, cơ chế thực hiện... Do đó, tại Điều 1, không cần thiết quy định lặp lại các nội dung này và chỉnh sửa Điều 1 như sau:

“Điều 1. Nhất trí Thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2....”

**b) Dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021 (bổ sung, điều chỉnh đợt 2) và dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021 (bổ sung, điều chỉnh đợt 2 (cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Tài nguyên và Môi trường)**

Nhất trí với nội dung dự thảo nghị quyết, bên cạnh đó, tại phần thẩm quyền ban hành Nghị quyết, đề nghị bỏ cụm từ “Nhiệm kỳ 2021-2016”.



c) Dự thảo Nghị quyết về chủ trương chuyển đổi loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021 (cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Nông nghiệp và PTNT)

Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp đối với các dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khóa XVII, kính gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP, NV1.

**GIÁM ĐỐC**



**Bàn Thanh Hiền**